



PHỤ LỤC 01

THÔNG TIN ĐỊNH KÈM THÔNG BÁO TUYỂN SINH THẠC SĨ

(Đính kèm Thông báo số *085*/TB-BVU ngày *03/02*/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu)

1. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác và các môn học bổ sung kiến thức

Nội dung	Diễn giải	Các môn học bổ sung kiến thức		Ghi chú
		Tên môn	Số tín chỉ	
Tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh				
Ngành đúng	Ngành, chuyên ngành ghi trên bằng tốt nghiệp, bằng điểm tốt nghiệp đại học là Quản trị kinh doanh	Không	-	
Ngành phù hợp	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống;	Không	-	
Ngành gần	Tài chính-Ngân hàng; Kế toán; Quản trị nhân lực; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Bảo hiểm; Bất động sản; Khoa học quản lý; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; thêm (Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Quản lý kinh tế; Quản lý công; Kinh tế học; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Thống kê kinh tế)	- Quản trị tài chính - Quản trị sản xuất - Quản trị chiến lược - Quản trị marketing - Quản trị nguồn nhân lực	2 2 2 2 2	Các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế, quản lý và kinh doanh, căn cứ bằng điểm đại học để xác định khối lượng các môn học bổ sung.

Nội dung	Diễn giải	Các môn học bổ sung kiến thức		Ghi chú
		Tên môn	Số tín chỉ	
Ngành khác	Các ngành khác (tất cả các ngành đào tạo đại học trừ các ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần nêu trên)	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Quản trị tài chính - Quản trị sản xuất - Quản trị chiến lược - Quản trị marketing - Quản trị nguồn nhân lực - Quản trị học 	<ul style="list-style-type: none"> 2 2 2 2 2 2 2 2 	(Người tốt nghiệp đại học không thuộc các ngành trong liệt kê thì phải có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi).
Tuyển sinh ngành LL&PPDHBM tiếng Anh				
Ngành đúng	Ngành, chuyên ngành ghi trên bằng tốt nghiệp, bằng điểm tốt nghiệp đại học là Sư phạm tiếng Anh	Không	-	
Ngành phù hợp	Ngành Ngữ văn Anh (chuyên ngành Văn hoá và văn học Anh-Mỹ, Biên-phiên dịch) hoặc ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh thương mại, Tiếng Anh du lịch hoặc Biên-phiên dịch)	<ul style="list-style-type: none"> - Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm - Quản lý lớp học - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 	<ul style="list-style-type: none"> 3 3 3 	
Tuyển sinh ngành Công nghệ thông tin				
Ngành đúng	<ul style="list-style-type: none"> Khoa học máy tính Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu Kỹ thuật phần mềm Hệ thống thông tin Kỹ thuật máy tính Công nghệ kỹ thuật máy tính Công nghệ thông tin An toàn thông tin 	Không	-	

Nội dung	Diễn giải	Các môn học bổ sung kiến thức		Ghi chú
		Tên môn	Số tín chỉ	
Ngành phù hợp	Toán học, Khoa học tính toán, Toán ứng dụng, Toán cơ, Toán tin, Thống kê.	- Tổ chức dữ liệu và xây dựng thuật toán - Máy tính và mạng máy tính	3 3	
Ngành gần	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Vật lý kỹ thuật.	- Kỹ thuật viết chương trình cho máy tính - Tổ chức dữ liệu và xây dựng thuật toán - Cơ sở dữ liệu - Máy tính và mạng máy tính	3 3 3 3	
Tuyển sinh ngành Đông phương học				
Ngành đúng và phù hợp	Đông phương học, Châu Á học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học. Quốc tế học, Khu vực Thái Bình Dương học.	Không		
Ngành gần	Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Á rập, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Nhật Bản, Quan hệ quốc tế, Sư phạm tiếng Nhật, Sư phạm tiếng Trung.	- Các giai đoạn lớn của lịch sử phương Đông - Văn hóa phương Đông – Đặc điểm và loại hình - Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương	2 2 2	



Nội dung	Diễn giải	Các môn học bổ sung kiến thức		Ghi chú
		Tên môn	Số tín chỉ	
Ngành KHXH và NV	Ngữ văn, Báo chí, Triết học, Nhân học, Xã hội học, Du lịch, Địa lý học, Dân tộc học, Giáo dục học, Lịch sử Việt Nam, Khoa học quản lý, Bảo tàng học, Khảo cổ học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Chính trị học, Tâm lý học.	- Các giai đoạn lớn của lịch sử phương Đông	2	
		- Văn hóa phương Đông – đặc điểm và loại hình	2	
		- Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương	2	
		- Ngôn ngữ học và các ngôn ngữ phương Đông	2	
		- Đông phương học – một khoa học	2	
Ngành khác	Ngoài 2 nhóm ngành phù hợp và ngành gần	- Các giai đoạn lớn của lịch sử phương Đông	2	Các trường hợp đặc biệt: Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Ngoại ngữ & Đông phương học quyết định.
		- Văn hóa phương Đông – đặc điểm và loại hình	2	
		- Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương	2	
		- Ngôn ngữ học và các ngôn ngữ phương Đông	2	
		- Đông phương học – một khoa học	2	
		- Lý luận QHQT và QHQT ở phương Đông	2	
		- Lý luận về nhà nước và nhà nước phương Đông trong lịch sử	2	

Nội dung	Diễn giải	Các môn học bổ sung kiến thức		Ghi chú
		Tên môn	Số tín chỉ	
Tuyển sinh ngành Kỹ thuật hóa học				
Ngành đúng	<p>- Chuyên ngành Kỹ thuật hóa học: Công nghệ, kỹ thuật hóa học (lọc-hóa dầu, hóa hữu cơ, hóa vô cơ, hóa lý, hóa phân tích, hóa polymer, hóa mạ điện, hóa in, chống ăn mòn, quá trình - thiết bị công nghệ hoá học và thực phẩm...).</p> <p>- Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy hóa học và phương pháp giảng dạy hoá sinh:</p> <p>+ Sư phạm hóa học, cử nhân hóa học;</p> <p>+ Sư phạm sinh học, cử nhân sinh học.</p>	Không		
Ngành phù hợp	Môi trường (Công nghệ kỹ thuật môi trường, kỹ thuật môi trường, khoa học môi trường, ...); Vật liệu (Công nghệ vật liệu, kỹ thuật vật liệu, ...); Hóa dược; Công nghệ sinh học, kỹ thuật sinh học, sinh học ứng dụng,			
Ngành gần	Kỹ thuật dầu khí (khoan và khai thác dầu khí, địa chất dầu khí, ...); Công nghệ thực phẩm, Kỹ thuật thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, công nghệ sinh học			
		- Quá trình và thiết bị cơ học	02	<i>Tùy theo các chuyên ngành thạc sĩ kỹ thuật hóa học mà học viên đăng ký học (Kỹ thuật hóa học, Phương</i>
		- Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	02	



Nội dung	Diễn giải	Các môn học bổ sung kiến thức		Ghi chú
		Tên môn	Số tín chỉ	
	thực phẩm; Dinh dưỡng, Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; bảo vệ thực vật. Tốt nghiệp đại học các nhóm ngành kỹ thuật trong, ngoài nước và các nhóm ngành khác nhưng hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kỹ thuật hóa học, Hóa-Thực phẩm, dầu khí, bảo vệ thực vật từ 5 năm trở lên.	- Quá trình và thiết bị truyền khối	02	<i>pháp giảng dạy hóa học, Phương pháp giảng dạy hoá sinh), danh sách các môn học bổ sung kiến thức đối với từng trường hợp cụ thể do Hội đồng Khoa học & Đào tạo của Viện Sau Đại học xem xét quyết định</i>
		- Vẽ kỹ thuật và Autocad	02	
		- Công nghệ chế biến dầu khí	02	
		- Hóa hữu cơ	02	
		- Hóa vô cơ	02	
		- Hóa phân tích	02	
		- Hóa lý	02	
		- Hóa Sinh	02	



PHỤ LỤC 02

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

(Đính kèm Thông báo số 685/TB-BVU ngày 03/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu)

Stt	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2

Stt	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
3		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

- Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển của 19 Trường sau: (1) Trường ĐH Ngoại Ngữ - ĐH Quốc Gia Hà Nội; (2) Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng; (3) Trường ĐH Ngoại Ngữ - ĐH Huế; (4) Trường ĐH Sư phạm TP.HCM; (5) Trường ĐH sự phạm Hà Nội; (6) Trường ĐH Thái Nguyên; (7) Trường ĐH Cần Thơ; (8) Trường ĐH Hà Nội; (9) Trường ĐH Vinh; (10) Học Viện An Ninh nhân dân; (11) Trường ĐH Sài Gòn; (12) Trường ĐH Ngân hàng TP HCM; (13) Trường ĐH Trà Vinh; (14) Trường Đại học Văn Lang; (15) Trường ĐH quy Nhơn; (16) Trường ĐH Tây Nguyên; (17) Trường ĐH Công nghiệp TP HCM; (18) Học viện Báo chí Tuyên truyền; (19) Trường ĐH Công nghệ Thực phẩm TP HCM.